

**Diễn biến thị trường ngày 12.05.2017**

Thị trường ngày hôm nay chứng kiến sự rung lắc nhẹ khi chỉ số VN Index vẫn chưa đủ động lực để vượt lên khỏi vùng giá hiện tại. Nguyên nhân chính vẫn đến từ việc thiếu đi những thông tin tích cực để hỗ trợ cho mặt bằng chung của thị trường, cộng với việc chỉ số của thị trường hiện tại đang ở mức cao dẫn đến tâm lý lo ngại rủi ro của nhà đầu tư.

Chỉ số VN Index mở cửa tăng nhẹ với sự ủng hộ từ hầu hết các nhóm cổ phiếu. Tuy nhiên mức tăng này không duy trì được lâu khi mà lực bán mạnh về cuối phiên đã đưa chỉ số này đóng cửa gần sát mức tham chiếu. Các cổ phiếu lớn được giao dịch mạnh với tổng thanh khoản đạt hơn 4.600 tỷ đồng. Giá trị giao dịch cao như thế này cũng đã được duy trì qua nhiều phiên. Chỉ số HNX Index vẫn duy trì được mức tăng khá tốt với lượng giao dịch ổn định qua các phiên, chỉ số này đã có một nhịp tăng tương đối mạnh sau giai đoạn điều chỉnh sâu.

Với những triển vọng sắp tới của kinh tế như việc nới lỏng chính sách tiền tệ và sự ấm lên của thị trường bất động sản sẽ là động lực chính để hỗ trợ cho thị trường trong thời gian tới. Nhiều khả năng cổ phiếu ngành bất động sản và ngân hàng sẽ là nhóm ngành dẫn dắt chính cho những nhịp tăng trong tương lai. Tuy nhiên hiện tại khả năng vượt qua mức đỉnh 730 của chỉ số VN Index trong tương lai gần là không cao, thị trường đang cần một khoản thời gian để dòng tiền có thể luân chuyển và là cơ hội để nhà đầu tư tái cơ cấu danh mục của mình trong giai đoạn này.

<b>Cập nhật thị trường</b>	<b>HOSE</b>	<b>HNX</b>
Chỉ số	725,37	90,39
% thay đổi	0,05 %	0,54 %
Tổng KLGD (triệu CP)	188,85	53,78
Tổng GTGD (Tỷ VND)	4.635,59	553,55
KL Dư mua (triệu CP)	141,47	39,90
KL Dư bán (triệu CP)	195,02	34,56
<b>Giao dịch nước ngoài</b>	<b>HOSE</b>	<b>HNX</b>
KL NĐTNN mua (triệu CP)	8,03	0,71
KL bán (triệu CP)	9,69	1,19
GT mua (tỷ đồng)	493,62	12,77
GT bán (tỷ đồng)	504,89	18,51
KL mua/bán ròng (triệu CP)	-1,66	-0,48
GT mua/bán ròng (tỷ đồng)	-11,26	-5,74
<b>Chỉ số thị trường</b>	<b>HOSE</b>	<b>HNX</b>
P/B	4,23	1,61
P/E	15,47	11,04
Beta	0,90	0,87
ROE	20,78 %	14,73 %
ROA	11,14 %	6,20 %

Khả năng hồi sinh của TPP, dù là chưa rõ ràng, đã thúc đẩy giá của các cổ phiếu dệt may trong phiên giao dịch cuối tuần. TCM, TNG hay EVE đều tăng trần với thanh khoản đột biến. Tuy nhiên tác động của TPP mới này có thể không quá lớn bởi thiếu đi thành viên lớn nhất là Mỹ khi nước này chiếm phần lớn trong tổng kim ngạch nhập khẩu dệt may của nhóm các nước trong TPP.

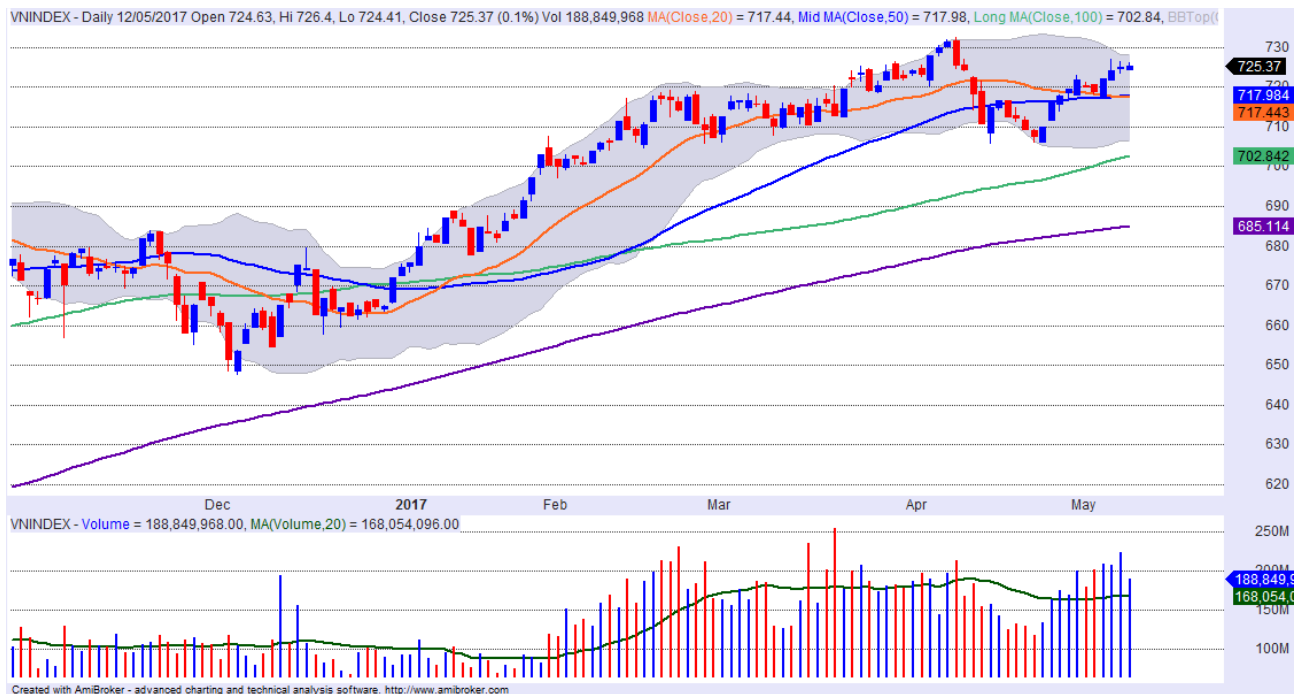
Nhóm cổ phiếu bất động sản, xây dựng hiện giao dịch khá sôi động với nhiều mã tăng điểm như FCN, NLG, DIG, HBC, KBC, LCG, SCR, QCG... Trong đó, QCG hiện đang tăng trần phiên thứ 11 liên tiếp.

Câu chuyện M&A của cổ phiếu BHS vẫn đang thu hút sự chú ý của thị trường khi cổ phiếu này tiếp tục tăng mạnh sau khi phía SBT công bố giá trị chuyển đổi cổ phiếu trong thương vụ lần này.

Khối ngoại bán ròng nhẹ trong phiên hôm nay nhưng vẫn mua vào mạnh ở các mã cổ phiếu như PLX hay VNM. Mới đây FN Diary đã tiếp tục đăng ký mua vào thêm 14,5 triệu cổ phiếu VNM sau khi chưa thể mua đủ số lượng đã đăng ký trước đó.

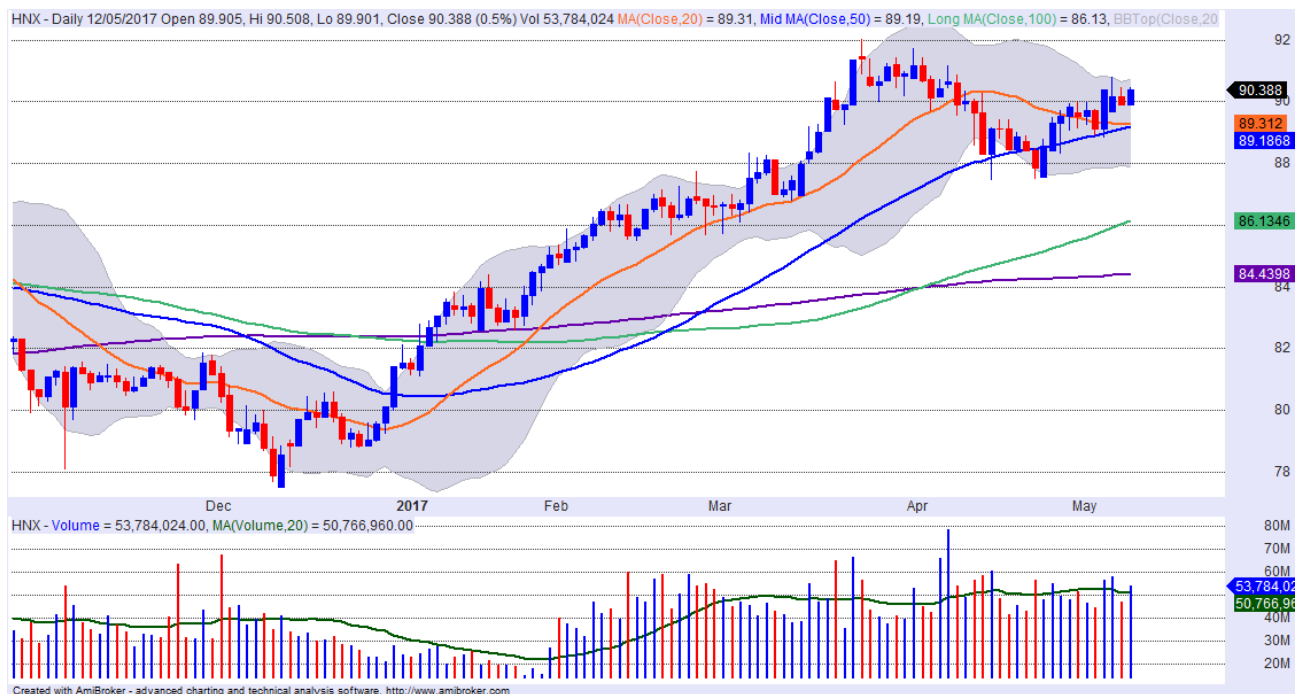
## Phân tích kỹ thuật

### VN-Index



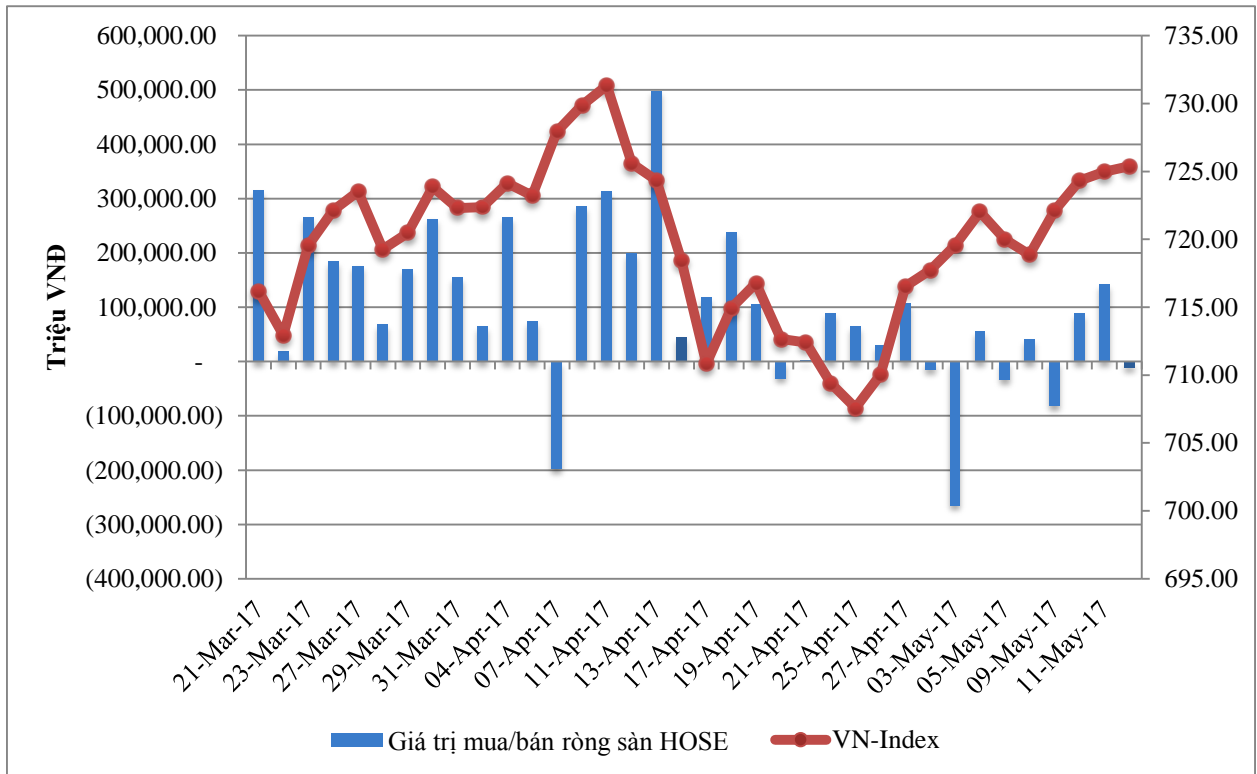
VN Index đang tiến về biên trên của dải Boillinger Band và lực tăng đang có chiều hướng giảm. Ngoài ra khối lượng giao dịch cũng đã tạo đỉnh trong ngắn hạn. Xu hướng chính của VN Index giai đoạn này nhiều khả năng vẫn là đi ngang với thanh khoản lớn.

### HNX-Index



Dải Bollinger Band của chỉ số HNX Index đang có xu hướng thu hẹp lại và là tín hiệu cho một xu hướng tích lũy trong ngắn hạn. Đường MA20 cũng đang giảm và chạm vào đường MA50. Thanh khoản duy trì ở mức cao qua nhiều phiên cho thấy sự luân chuyển mạnh của dòng tiền giữa các nhóm cổ phiếu.

## Giao dịch ròng khối ngoại và VN-Index



## Điểm tin doanh nghiệp

- **CMG - CTCP Tập đoàn Công Nghệ CMC** - Năm 2017, CMG đặt mục tiêu doanh thu thuần đạt 4.869 tỷ đồng, tăng 2% so với thực hiện 2016. Lợi nhuận trước thuế dự kiến đạt 237,8 tỷ đồng, tăng 12% so với năm trước.
- **HUT - Công ty cổ phần Tacsko** – Đã nộp hồ sơ lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2016, tỷ lệ 8%, với số lượng hơn 14 triệu đơn vị. Dự kiến, Công ty sẽ thực hiện việc phát hành trong tháng 6 tới. Bên cạnh chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, HUT sẽ trả cổ tức 7% bằng tiền mặt. Ngoài ra, HUT có kế hoạch phát hành 50 triệu cổ phiếu riêng lẻ trong năm nay.
- **HAG - CTCP Hoàng Anh Gia Lai** - Ngày 25/5 là ngày giao dịch không hưởng quyền tham dự Đại hội cổ đông thường niên 2017, ngày đăng ký cuối cùng là 26/5. Theo đó, Đại hội dự kiến được tổ chức vào ngày 30/6/2017 tại Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai, số 01 Phù Đổng, Tp. Pleiku tỉnh Gia Lai.

## Thống kê giao dịch sàn HOSE và HNX ngày 12.05.2017

### Top KLGD nhiều nhất tại sàn HSX

STT	Mã CK	Giá	% (+/-)	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	SCR	11.05	6.76	14,901,400	161,541
2	HQC	2.67	2.69	10,534,930	27,857
3	KBC	16.45	2.81	7,019,020	114,728
4	HHS	4.65	6.16	6,732,070	30,452
5	ROS	162.00	1	6,069,320	962,069
6	FLC	7.28	0.41	5,967,130	43,408
7	DXG	24.00	1.69	5,528,230	132,000
8	DCM	14.60	-1.02	5,131,790	75,382
9	HNG	11.05	1.38	3,866,050	42,764
10	SSI	23.50	-0.84	3,418,570	81,161

### Top tăng giá nhiều nhất tại sàn HSX (KLGD > 200,000)

STT	Mã CK	Giá	% tăng	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	TDH	17.60	6.99	2,345,270	40,682
2	FCM	5.68	6.97	596,650	3,380
3	DHM	8.76	6.96	1,577,360	13,692
4	QBS	7.09	6.94	1,014,260	7,108
5	EVE	21.75	6.88	631,790	13,489
6	GMD	37.35	6.87	782,250	28,967
7	QCG	14.20	6.77	412,400	5,856
8	SCR	11.05	6.76	14,901,400	161,541
9	TCM	28.70	6.69	2,514,050	71,174
10	NVT	2.57	6.64	666,180	1,712

### Top tăng giá nhiều nhất tại sàn HNX (KLGD > 200,000)

STT	Mã CK	Giá	% tăng	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	TNG	14.50	9.85	951,001	13,597
2	TIG	4.50	9.76	2,089,440	9,252
3	SVN	3.10	6.9	790,400	2,443
4	DST	30.70	6.23	996,920	29,539
5	CTS	9.00	5.88	2,456,309	21,938
6	SHN	10.70	4.9	3,926,492	41,152
7	BII	2.90	3.57	752,551	2,220
8	LAS	14.70	3.52	371,350	5,390
9	SHS	9.20	3.37	2,043,393	18,840
10	PGS	19.20	2.67	677,686	12,908

### Top KLGD nhiều nhất tại sàn HNX

STT	Mã CK	Giá	% (+/-)	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	SHB	6.70	-1.47	9,939,605	67,301
2	KLF	2.40	-4.00	3,975,560	9,850
3	SHN	10.70	4.90	3,926,492	41,152
4	CEO	12.50	0.00	3,209,901	39,682
5	CTS	9.00	5.88	2,456,309	21,938
6	TIG	4.50	9.76	2,089,440	9,252
7	SHS	9.20	3.37	2,043,393	18,840
8	HUT	14.10	0.71	1,813,502	25,432
9	VCG	15.80	1.28	1,489,745	23,444
10	ACB	23.60	0.85	1,408,743	33,122

### Top giảm giá nhiều nhất tại sàn HSX (KLGD > 200,000)

STT	Mã CK	Giá	% giảm	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	APG	5.23	-4.56	208,310	1,110
2	BCG	6.61	-3.5	779,270	5,232
3	HAR	3.88	-3	563,860	2,184
4	SJS	30.25	-2.89	544,750	16,782
5	CII	38.80	-2.39	2,483,700	98,474
6	TSC	3.52	-2.22	670,390	2,428
7	TLH	13.30	-2.21	693,500	9,312
8	CDO	3.43	-2	743,190	2,567
9	AGR	3.45	-1.99	307,690	1,070
10	HVG	6.60	-1.64	647,430	4,317

### Top giảm giá nhiều nhất tại sàn HNX (KLGD > 200,000)

STT	Mã CK	Giá	% giảm	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	C69	7.00	-5.41	272,500	1,990
2	KLF	2.40	-4	3,975,560	9,850
3	KVC	2.40	-4	228,520	548
4	NHP	3.20	-3.03	234,900	752
5	PIV	18.00	-2.7	315,600	5,717
6	MBS	7.90	-2.47	262,710	2,094
7	MST	10.10	-1.94	346,400	3,466
8	TVC	11.20	-1.75	437,400	4,893
9	LIG	6.30	-1.56	238,980	1,492
10	SHB	6.70	-1.47	9,939,605	67,301

## Thống kê giao dịch khối ngoại:

Top giá trị mua ròng sàn HSX						Top giá trị bán ròng sàn HSX					
STT	Mã CK	Khối lượng	Giá trị (1.000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)	STT	Mã CK	Khối lượng	Giá trị (1.000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	PLX	647,350	31,461,674,000	146,695,330	8.66	1	NVL	(236,640)	(16,282,959,000)	228,739,614	10.63
2	VNM	153,080	22,073,871,000	655,030,851	54.87	2	HBC	(247,920)	(13,803,087,000)	26,536,216	21.20
3	KBC	670,450	10,924,497,000	72,389,093	33.78	3	CII	(231,140)	(9,064,782,500)	23,935,512	61.29
4	PC1	207,110	8,301,433,000	17,951,659	25.15	4	DRC	(310,090)	(9,041,383,500)	23,090,616	29.56
5	NT2	231,850	7,331,849,500	77,059,298	22.23	5	TDH	(492,000)	(8,607,000,000)	3,626,270	43.89
6	NKG	151,200	6,747,660,000	12,476,468	30.11	6	HT1	(372,470)	(7,867,260,500)	152,341,770	9.08
7	DPM	227,830	5,476,376,500	115,577,766	19.47	7	KDC	(155,270)	(6,297,863,000)	81,839,069	17.11
8	VCB	134,620	4,914,279,000	335,518,605	20.67	8	VIC	(151,920)	(6,148,058,000)	503,638,652	9.91
9	BFC	120,000	4,718,475,500	18,418,202	16.78	9	HSG	(108,250)	(5,351,749,000)	38,573,031	29.71
10	CTD	21,170	4,260,107,000	3,821,184	44.04	10	SSI	(215,410)	(5,096,087,000)	215,582,131	56.01

Top giá trị mua ròng tại HNX						Top giá trị bán ròng tại HNX					
STT	Mã CK	Khối lượng	Giá trị (1.000 Đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)	STT	Mã CK	Khối lượng	Giá trị (1.000 Đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	VGC	82,200	1,280,610,000	65,014,738	27.82	1	VND	(429,900)	(7,714,980,000)	1,208,973	48.22
2	INN	19,000	1,177,810,000	3,880,954	13.07	2	PVS	(105,400)	(1,753,850,000)	97,759,055	27.12
3	BVS	56,500	1,006,090,000	15,344,817	27.76	3	VCG	(100,000)	(1,572,500,000)	179,133,748	8.45
4	DBC	33,200	926,020,000	18,037,799	27.22	4	API	(50,500)	(1,213,890,000)	1,741,779	44.21
5	PGS	43,800	832,470,000	17,673,542	13.65	5	HOM	(125,000)	(690,650,000)	31,742,800	4.91
6	PVC	100,000	720,000,000	16,749,862	15.5	6	BII	(82,400)	(240,960,000)	26,236,990	3.51
7	HUT	40,000	558,000,000	51,958,256	19.53	7	TNG	(12,800)	(171,570,000)	9,031,115	22.64
8	IDV	9,000	442,350,000	5,254,423	3.57	8	VNR	(4,500)	(116,100,000)	25,266,854	29.72
9	MAS	3,700	369,990,000	1,466,538	14.64	9	DHT	(1,000)	(95,720,000)	2,591,563	7.75
10	SD6	24,200	221,150,000	12,943,653	11.78	10	SD9	(12,300)	(92,130,000)	12,977,326	11.09

## Thống kê theo nhóm ngành:

Ngành	Vốn hóa (Tỷ VND)	Tỷ trọng vốn hóa	% thay đổi 1 ngày	% thay đổi 1 tháng	P/E	P/B	ROE %	ROA %	Tỷ suất lợi nhuận thuần	Tỷ suất lợi nhuận gộp
Dầu khí	70,207.20	3%	2.35%	-2.09%	12.92	2.21	4.25%	1.89%	-8.05%	-6.00%
Nguyên vật liệu	155,666.65	7%	0.68%	0.80%	8.76	1.83	17.27%	9.43%	5.21%	14.85%
Công nghiệp	420,706.55	18%	0.32%	-0.82%	16.31	4.61	15.69%	7.46%	15.60%	21.70%
Hàng Tiêu dùng	601,393.25	26%	-0.20%	-0.58%	18.79	6.21	29.79%	20.12%	15.63%	33.62%
Dược phẩm và Y tế	32,964.27	1%	-0.07%	2.24%	15.63	3.29	22.02%	14.22%	11.33%	39.77%
Dịch vụ Tiêu dùng	136,517.01	6%	1.00%	1.80%	18.62	4.88	36.11%	9.60%	24.62%	5.68%
Viễn thông	13,313.06	1%	-0.01%	-1.23%	12.33	3.59	29.78%	10.93%	14.40%	44.45%
Tiện ích Cộng đồng	168,931.73	7%	0.72%	0.15%	12.02	2.18	15.98%	10.65%	14.76%	23.77%
Tài chính	347,435.75	15%	0.11%	0.57%	21.39	2.71	9.70%	3.15%	16.17%	31.74%
Ngân hàng	366,776.21	16%	-0.31%	0.46%	13.42	1.72	11.95%	0.77%	22.98%	52.10%
CNTT	28,892.66	1%	0.25%	2.93%	10.81	1.98	16.38%	6.67%	5.97%	20.08%

## Top vốn hóa cao nhất HOSE

STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	VNM	VINAMILK	6,464	20.07	1,451,415,315	43.16%	32.89%	188,248.57
2	VCB	Vietcombank	1,897	19.53	3,597,768,575	14.50%	0.93%	133,297.33
3	SAB	SABECO	6,978	29.66	641,281,186	33.86%	21.92%	132,745.21
4	VIC	VinGroup	591	74.77	2,637,707,954	3.78%	0.96%	116,586.69
5	GAS	PV Gas	3,704	14.77	1,913,348,070	16.90%	12.46%	104,660.14
6	ROS	Xây dựng FLC FAROS	1,021	169.67	430,000,000	10.38%	6.60%	74,519.00
7	CTG	VIETINBANK	1,828	9.82	3,723,404,556	11.48%	0.79%	66,835.11
8	BID	BIDV	1,802	9.16	3,418,715,334	14.74%	0.66%	56,408.80
9	MSN	Tập đoàn Masan	2,472	16.87	1,138,262,164	11.77%	3.85%	47,465.53
10	NVL	Đầu tư Địa ốc No Va (Nova)	3,231	22.50	589,369,234	20.63%	5.28%	42,847.14

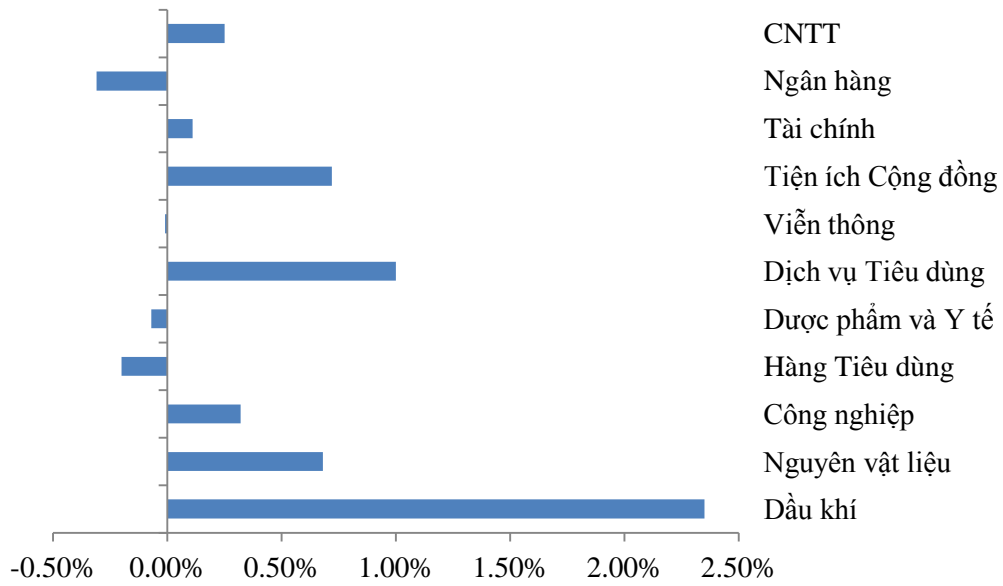
### Top vốn hóa cao nhất HNX

STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	ACB	Ngân hàng Á Châu	1,344	17.63	985,901,288	9.87%	0.61%	23,168.68
2	VCS	VCS STONE	12,009	11.17	60,000,000	8.38%	3.80%	8,665.99
3	PVS	DVKT Dầu khí PTSC	2,210	8.05	446,700,421	55.28%	22.09%	8,460.00
4	VCG	VINACONEX	1,078	14.10	441,710,673	6.44%	2.21%	6,979.03
5	NTP	Nhựa Tiền Phong	5,346	14.38	74,367,307	7.66%	0.43%	5,707.88
6	PVI	Bảo hiểm PVI	2,603	9.76	222,487,267	8.63%	3.52%	5,628.93
7	SHB	SHB	921	5.43	1,119,192,914	22.38%	11.90%	5,540.36
8	PHP	Cảng Hải Phòng	1,411	11.55	326,960,000	11.35%	8.44%	5,264.06
9	VGC	Tổng Công ty Viglacera	1,668	9.29	307,000,000	12.70%	3.88%	4,727.80
10	VNR	Tái bảo hiểm Quốc gia	1,829	12.57	131,075,937	8.87%	3.74%	3,198.25

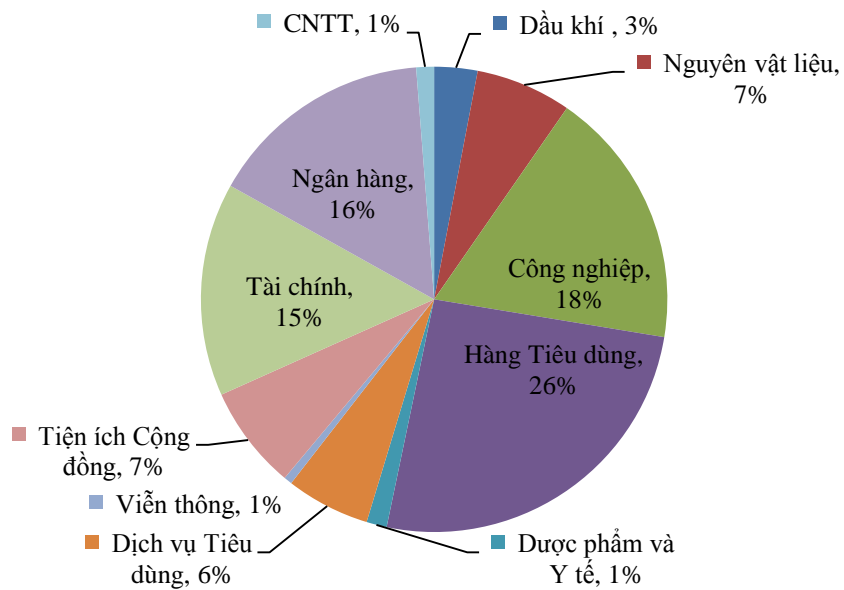
### Top vốn hóa cao nhất UPCOM

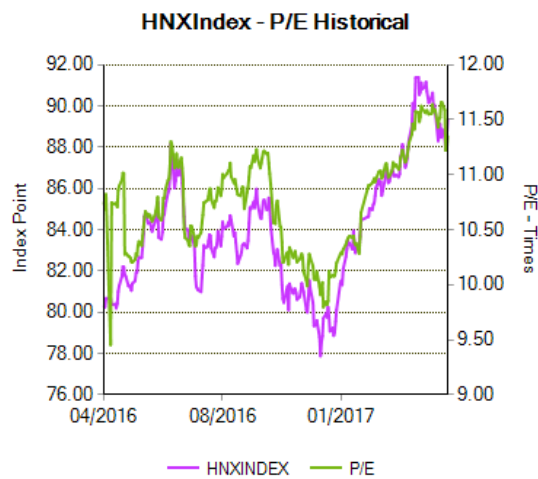
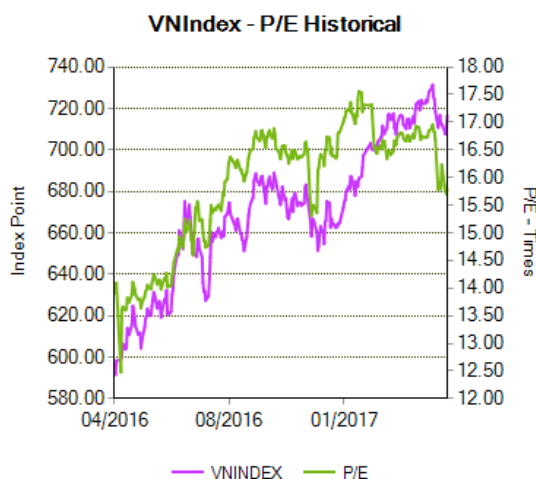
STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	ACV	Cảng Hàng không VN	1,002	49.97	2,177,173,236	8.33%	3.86%	112,248.52
2	HVN	Vietnam Airlines	2,480	15.61	1,227,533,778	17.54%	2.69%	54,136.69
3	MCH	Hàng Tiêu Dùng MaSan	5,165	15.08	538,160,117	21.66%	15.32%	40,256.53
4	QNS	Đường Quảng Ngãi	7,566	14.47	187,549,373	43.22%	24.93%	20,527.47
5	FOX	FPT Telecom	6,697	13.78	137,048,594	30.82%	11.12%	13,091.16
6	MSR	Tài Nguyên Masan	153	90.76	703,544,898	0.94%	0.41%	9,676.56
7	DTK	Vinacomin Power	-738	-18.84	680,000,000	0.23%	0.05%	9,520.00
8	VIB	VIBBank	900	18.19	564,440,589	6.47%	0.59%	9,383.82
9	SQC	Khoáng sản SG-Quy Nhơn	-514	-157.71	107,299,000	-6.29%	-4.85%	8,691.22
10	VEF	Triển lãm Việt Nam	195	216.71	166,604,050	3.48%	3.38%	6,570.86

### Tăng/giảm theo ngành



### Tỷ trọng vốn hóa ngành





**MIỄN TRÁCH:** Các thông tin và dự báo trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin mà BMSC cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác và hoàn chỉnh của các thông tin này. Toàn bộ quan điểm và nhận định trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích dựa trên cơ sở phân tích chi tiết, cẩn thận hợp lý, và phù hợp với thời điểm đưa ra báo cáo này. Các quan điểm này có thể được thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được đưa ra không nhằm mục đích khuyến nghị hay quảng cáo việc mua/bán bất cứ cổ phiếu nào. BMSC không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào đối với việc sử dụng các thông tin, phân tích, hay khuyến nghị nào từ báo cáo này.

Bản quyền báo cáo này thuộc về BMSC. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của BMSC đều không được phép.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh – Hội sở

Lầu 3, Tòa nhà Pax Sky, 34A Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3, TP. HCM

ĐT: +84 8 7306 8686 – Fax: +84 8 3824 7436

Website: <https://www.bmsc.com.vn> – Email: info@bmsc.com.vn